

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trên đất trồng lúa năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 21/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đề án vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 763/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang” (*đính kèm Kế hoạch*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026 trên địa bàn tỉnh; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của số liệu theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo quy định của pháp luật; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

c) Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026 trên địa bàn tỉnh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026 trên địa bàn; xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện năm 2026 của địa phương theo quy định.

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người sử dụng đất trồng lúa thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đúng quy định; tiếp nhận, xem xét, giải quyết hồ sơ đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo thẩm quyền.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026 gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 năm 2026 để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định (theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh (để b/c);
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, hmdon.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026
trên địa bàn tỉnh An Giang**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: ha

STT	Tỉnh An Giang	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		...
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nuơng	
	Tổng số	2.718,42	2.328,42	390,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	1.796,65	1.503,65	293,00	0,00	
	Trồng cây lâu năm	87,00	0,00	87,00	0,00	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	834,77	824,77	10,00	0,00	
	Trong đó:					
1	Phường Chi Lăng	90,0	0,0	90,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	83,0		83,0		
	Trồng cây lâu năm	7,0		7,0		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
2	Phường Long Phú	19,08	19,08	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	19,08	19,08			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
3	Phường Mỹ Thới	15,0	15,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	15,0	15,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
4	Phường Tân Châu	3,0	3,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	3,0	3,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				

STT	Tỉnh An Giang	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		...
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
5	Xã An Biên	229,5	229,5	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	0,0				
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	229,5	229,5			
6	Xã An Châu	3,8	3,8	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	3,8	3,8			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
7	Xã An Cư	620,0	390,0	230,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	600,0	390,0	210,0		
	Trồng cây lâu năm	10,0		10,0		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	10,0		10,0		
8	Xã Ba Chúc	25,0	15,0	10,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	15,0	15,0			
	Trồng cây lâu năm	10,0		10,0		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
9	Xã Bình Hòa	55,0	55,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	55,0	55,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
10	Xã Bình Mỹ	420,0	420,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	410,0	410,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	10,0	10,0			
11	Xã Cấn Đăng	45,0	45,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	43,0	43,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
12	Xã Châu Phú	90,85	90,85	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	90,85	90,85			

STT	Tỉnh An Giang	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		...
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
13	Xã Long Kiến	50,0	50,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	50,0	50,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
14	Xã Mỹ Đức	105,0	105,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	105,0	105,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
15	Xã Ô Lâm	100,0	100,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	95,0	95,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	5,0	5,0			
16	Xã Phú Hòa	6,0	6,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	6,0	6,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
17	Xã Thoại Sơn	2,0	2,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	2,0	2,0			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
18	Xã Tri Tôn	220,0	160,0	60,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	160,0	160,0			
	Trồng cây lâu năm	60,0		60,0		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				
19	Xã Vĩnh Hanh	34,79	34,79	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	33,52	33,52			
	Trồng cây lâu năm	0,00				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	1,27	1,27			

STT	Tỉnh An Giang	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		...
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
20	Xã Vĩnh Hòa	579,0	579,0	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	0,0				
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	579,0	579,0			
21	Xã Vĩnh Trạch	7,4	7,4	0,0	0,0	
	Trồng cây hàng năm	7,4	7,4			
	Trồng cây lâu năm	0,0				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,0				